

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **187/2019/HS-ST**
Ngày: 14 -10 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
2. Ông Phan Chí Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 155/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1989. Tại: B. Nơi KHKTT: Số 1145, Đ, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh B. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt ngày 13/02/2019 và tạm giam cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Ông Vương Quốc B, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Số 1470, Đ, khu 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh B (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH vận tải hành khách Thanh L; Địa chỉ trụ sở: Số 79, đường H, tổ 8, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Thanh L. Địa chỉ: Số 79, đường H, tổ 8, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh B. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 196. Cùng địa chỉ: Số 1145, Đ, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh B (có đơn xét xử vắng mặt)

+ Công ty TNHH MTV Du lịch Minh N. Địa chỉ trụ sở: Số 81, đường H, tổ 19, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương

Quốc H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 81, đường H, tổ 19, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh B (vắng mặt)

+ Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 1470, Đ, khu 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Vương Quốc H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 81, đường H, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh B là Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ du lịch Minh N theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 3702489884 ngày 12/8/2016 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương với ngành nghề kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái.

Ông Vương Quốc B, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 1470, đường Đ, khu 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh B là chủ tiệm cầm đồ Bình T theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 46A8005829 ngày 24/11/2017 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương với ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

Nguyễn Minh C sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 1145, đường Đ, khu 9, phường H, thành phố T, tỉnh B thường mang tài sản đến cầm cố tại Tiệm cầm đồ Bình T của Vương Quốc B và cũng đến Công ty TNHH MTV Dịch vụ du lịch Minh N của Vương Quốc H thuê xe ô tô tự lái khoảng 04 lần, trong đó có xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 61A-218.XX, số khung RL4XW42G5F9416808, số máy 1TR7979129, những lần thuê xe này C đều trả tiền thuê xe đầy đủ và trả xe đúng thời hạn cho H theo như thỏa thuận trong hợp đồng.

Khoảng 09 giờ ngày 12/7/2018, Nguyễn Minh C đến Công ty TNHH MTV Dịch vụ du lịch Minh N để thuê xe ô tô tự lái, mục đích để chạy dịch vụ chở khách. Tại đây, C ký hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc biển số 61A-218.XX với ông Vương Quốc H. Thời hạn thuê là 15 ngày kể từ ngày 12/7/2018 đến ngày 25/7/2018, giá thuê là 800.000 đồng/ngày. Trong hợp đồng thuê xe có quy định Nguyễn Minh C không được phép đem xe đi thế chấp hoặc cầm cố với bất kỳ lý do nào và khi cần gia hạn thêm thời hạn thuê xe thì phải thông báo cho ông Vương Quốc H trước 12 tiếng (Bút lục số 113). Sau khi ký xong hợp đồng, ông H đã giao cho C: 01 Sổ chứng nhận kiểm định số 3984142 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Sở giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/10/2017 (Bản chính) và xe ô tô biển số 61A-218.77. Còn C đã thanh toán cho ông H số tiền 12.000.000 đồng là tiền thuê xe trong 15 ngày và lái xe đi. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 12/7/2018, khi C đang sử dụng xe ô tô biển số 61A-218.XX để chở khách thì C nhận được điện thoại của người nam tên P (Không rõ lai lịch) gọi đến để đòi nợ số tiền 30.000.000 đồng và đe dọa nếu C không trả tiền thì P sẽ đánh C. Lúc này, do C không có tiền trả nợ cho P nên nảy sinh ý định thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe của xe ô tô biển số 61A-218.XX mang tên Nguyễn Minh C với mục đích là sử dụng giấy giả này để mang xe ô tô biển số 61A-218.XX cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định trên, C tìm kiếm thông tin trên mạng Internet thì liên hệ được với 01 người nam (Không rõ lai lịch và địa chỉ liên hệ) nhận làm giấy tờ giả nên C đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe của xe ô tô biển số 61A-218.XX với giá 2.500.000 đồng, cả 02 thỏa thuận sẽ giao nhận giấy giả vào tối cùng ngày, đồng thời C cung cấp cho

người làm giả về thông tin của xe ô tô biển số 61A-218.XX dựa trên Sổ chứng nhận kiểm định mà trước đó H đã giao cho C.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, theo như đã hẹn trước, C đi đến khu vực cầu Phú Cường, địa chỉ tại phường C, thành phố T, tỉnh B thì gặp 01 người đàn ông chạy xe mô tô Grab (Không rõ nhân thân, lai lịch và biển số xe) và nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe ô tô biển số 61A-218.XX mang tên Nguyễn Minh C đồng thời C đưa cho người đàn ông này số tiền 2.500.000 đồng là tiền thuê làm giả giấy tờ xe. Sau đó, C điều khiển xe ô tô biển số 61A-218.XX đến tiệm cầm đồ Bình T, địa chỉ tại số 1470, đường Đ, khu 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh B gặp Vương Quốc B để cầm cố xe. Tại đây, C đưa cho B xem Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đã thuê người làm giả trước đó (số 012514 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/4/2015 cho xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 61A-218.XX, số khung RL4XW42G5F9416808, số máy 1TR7979129 mang tên Nguyễn Minh C) và nói với B đây là xe ô tô của C. Anh B kiểm tra đối chiếu thông tin từ Giấy chứng nhận đăng ký xe mà C đưa cho B và xe ô tô biển số 61A-218.XX thấy trùng khớp nên B đã đồng ý nhận cầm xe cho C với số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng cầm cố xe và nhận tiền, C đem tiền đi trả nợ rồi bỏ trốn khỏi địa phương và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Đến ngày 04/8/2018, ông Vương Quốc H thấy C không đem trả xe nên đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một. Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thu giữ: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012514 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/4/2015 cho xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 61A-218.XX, số khung RL4XW42G5F9416808, số máy 1TR7979129 mang tên Nguyễn Minh C; xe ô tô biển số 61A-218.XX; 01 hợp đồng cầm cố xe ô tô biển số 61A-218.XX; 01 Sổ chứng nhận kiểm định số 3984142 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Sở giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/10/2017 của xe ô tô biển số 61A-218.XX.

Ngày 07/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định khởi tố vụ án số 73, Quyết định khởi tố bị can số 98 và Quyết định truy nã số 01 đối với Nguyễn Minh C về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 14/02/2019, Nguyễn Minh C đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 16/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ra Quyết định trưng cầu giám định số 367/QĐ trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012514 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/4/2015 cho xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc biển số 61A-218.XX (số khung RL4XW42G5F9416808, số máy 1TR7979129) mang tên Nguyễn Minh C là thật hay do được làm giả? Nếu giả thì được làm như thế nào?

Căn cứ Bản kết luận giám định số: 270/GĐ-PC09 ngày 22/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Phôi và hình dấu tròn có nội dung “C.H.X.H.C.N VIỆT NAM * CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG” trên 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012514, tên chủ xe Nguyễn Minh C. Địa chỉ: H, T, B, đề ngày 25/4/2015 (ký hiệu A) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử; Chữ ký

mang tên “Trần Minh H” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của Trần Minh H trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) không phải do cùng một người ký ra.

Ngày 09/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả có 01 xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 61A-218.XX và 01 Sổ chứng nhận kiểm định số 3984142 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Sở giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/10/2017 của xe ô tô biển số 61A-218.XX cho ông Vương Quốc H. Ông H không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngày 28/9/2018, ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Bé, sinh năm 1966. Cùng địa chỉ: số 1145, đường Đ, khu 9, phường H, thành phố T, tỉnh B (là mẹ và cha của Nguyễn Minh C) đã tự nguyện thay mặt Cảnh bồi thường số tiền 450.000.000 đồng cho ông Vương Quốc B để khắc phục hậu quả do Nguyễn Minh C chiếm đoạt của ông B số tiền 450.000.000 đồng. Ông Vương Quốc B đã nhận lại đủ số tiền 450.000.000 đồng và không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà B và ông C cũng không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Cáo trạng số 169/CT-VKS-HS ngày 12/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Minh C về các tội “Sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Minh C đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C mức hình phạt từ 07 năm đến 08 năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo theo qui định pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Vương Quốc B đã nhận lại số tiền 450.000.000 đồng và không còn ý kiến, yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về biện pháp tư pháp: Không có.

Bị cáo Nguyễn Minh C không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh C khai nhận: Vào ngày 12/7/2018 Nguyễn Minh C và Công ty TNHH MTV Du lịch Minh N ký kết hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc biển số 61A-218.XX; Thời hạn thuê là 15 ngày kể từ ngày 12/7/2018 đến ngày 25/7/2018; giá thuê là 800.000 đồng/ngày. Quá trình sử dụng xe do cần tiền để trả khoản nợ 30.000.000 đồng cho đối tượng tên P nên Cảnh này sinh ý định thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe của xe ô tô biển số 61A-218.XX mang tên Nguyễn Minh C với mục đích là sử dụng giấy giả này để mang xe ô tô biển số 61A-218.XX cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. C tìm kiếm thông tin trên mạng Internet và liên hệ được với 01 người nam (Không rõ lai lịch và địa chỉ liên hệ) nhận làm giấy tờ giả nên C đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe của xe ô tô biển số 61A-218.XX với giá 2.500.000 đồng. Sau đó C sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả (số 012514 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/4/2015 cho xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc, biển số 61A-218.XX (số khung RL4XW42G5F9416808; số máy 1TR7979129) mang tên Nguyễn Minh C để thế chấp cho ông Vương Quốc B (chủ tiệm cầm đồ Bình T) với số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) C đem tiền đi trả nợ rồi bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 13/02/2019 bị cáo cảnh đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đầu thú.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Với hành vi dùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả (số 012514 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/4/2015 cho xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc biển số 61A-218.XX (số khung RL4XW42G5F9416808; số máy 1TR7979129) mang tên Nguyễn Minh C giả để lừa dối ông Vương Quốc B thế chấp chiếc xe ô tô nói trên nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) mà bị cáo Nguyễn Minh C thực hiện đã hội đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây mất uy tín của các Cơ quan nhà nước, làm mất lòng tin của nhân dân. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật chỉ vì lười lao động, vì lợi ích của bản thân mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra giải quyết vụ án. Do vậy, đối với bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 450.000.000 đồng cho ông Vương Quốc B, ông B có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cha bị cáo ông Nguyễn Văn C là thương binh đang hưởng chế độ chính sách người có công cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Đối chiếu với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào nhân thân bị cáo xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Vương Quốc B đã nhận lại số tiền 450.000.000 đồng và không còn ý kiến, yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B (cha mẹ ruột của bị cáo C) đã bồi thường cho bị hại ông Vương Quốc B số tiền 450.000.000 đồng. Hiện nay ông C, bà B không yêu cầu bị cáo C phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Minh C đối với ông C, bà B.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh C phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

1./ Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C 03 (ba) năm tù.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2019.

2./ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3./ Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Minh C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tâm